TAND HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:117/2019/HS-ST
Ngày: 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Thanh Hải.
2. Ông Trần Quang Huyền.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2019/TLST - HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức C**, sinh 26/8/1996
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm B, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1974; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, đều trú tại: Xóm B, xã M, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2001 (*chưa đăng ký kết hôn*); Có 01 con, sinh năm: 2018 .
Tiền án, tiền sự: không
Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

**** Bị hại:*** Anh Nguyễn Ngọc D, sinh 1981 (*Vắng mặt có lý do*)
Trú quán: Xóm B, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***
1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (*Có mặt tại phiên tòa*)
Trú quán: Xóm B, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
2. Anh Nguyễn Văn C1, sinh 1985 (*Có mặt tại phiên tòa*)
Trú quán: TDP M, TT H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/7/2019 Nguyễn Đức C một mình đi bộ từ nhà lên đồi cây gần nhà để kiểm tra bẫy chim rừng, khi C đi đến khu vực đồi đất phía sau nhà anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1981, trú tại: Xóm B, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*cùng xóm với C*) thì C nghe thấy bên trong nhà kho của gia đình anh Dcó tiếng chim họa mi hót. C đi bộ men theo rìa đồi xuống gần bờ tường rào phía sau nhà kho nhà anh Dvà quan sát thấy xung quanh không có người qua lại, kho để hàng nhà anh Dkhuất với phía nhà ở, cửa kho đóng không khóa nên C đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà kho lấy trộm chim họa mi. C trèo qua bờ tường phía sau nhà kho (*nơi có khoảng trống tiếp giáp giữa tường và mái nhà kho có kích thước 1,5 m*) vào trong nhà kho, thấy có 02 con chim họa mi, lông màu vàng, mỏ vàng, mắt có kẻ trắng, được nhốt riêng trong 02 chiếc lồng treo trên móc dây trong nhà kho, chiếc lồng tre nhốt con chim họa mi đực còn chiếc lồng trúc nhốt con chim họa mi cái, cả hai chiếc lồng đều được phủ áo bằng vải màu đỏ. C nhấc từng chiếc lồng chim mang ra sát mép tường, trèo qua khoảng trống tiếp giáp giữa tường và mái nhà kho rồi đem cả hai chiếc lồng chim lên đồi. C bắt con chim họa mi đực ra, sau đó mở chiếc lồng trúc để nhốt chung vào với con chim họa mi cái. Do không cẩn thận nên đã làm sổng mất con chim họa mi cái. C bỏ lại chiếc lồng tre ở trên đồi cây và cầm chiếc lồng trúc có con chim họa mi đực về nhà. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày C điều khiển xe mô tô Ware BKS 20F1 - 287.53 (*là xe của gia đình C*) đem theo chiếc lồng có nhốt con chim họa mi đực đến nhà anh Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1985, trú tại: TDP Mới, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ làm nghề mua bán chim cảnh đổi con chim họa mi đực được nhốt trong chiếc lồng trúc, lấy 01 con khướu bạc má được nhốt trong chiếc lông inox (*khi đổi chim cho C, anh C1 không biết là chim C trộm cắp mà có*). Sau khi đổi được chim, C đem lồng có con chim khướu về nhà treo ở cửa.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Dđi làm về vào nhà kho để cho chim ăn thì phát hiện đôi chim họa mi đã bị lấy trộm nên anh Dđã gọi điện cho anh Nguyễn Văn C1 (*là bạn chơi cùng*) hỏi anh C1 xem có ai đến trao đổi mua bán chim họa mi cảnh, có đặc điểm giống chim cảnh của anh Dkhông,thì được anh C1 cho biết: khoảng 13 giờ cùng ngày, anh C1 có đổi một con khướu bạc má lấy 01 con chim họa mi với một nam thanh niên. Đặc điểm của con chim họa mi giống con chim của anh Dbị mất. Sau khi nhận được thông tin trên, anh Dđã đến cửa hàng của anh C1 kiểm tra xác định đúng là con chim họa mi của anh Dbị mất nên anh Dmua lại con chim họa mi với giá 1.500.000 đồng. Sau đó anh Dđã làm đơn trình báo đến Công an huyện Đại Từ giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra truy xét Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đã làm rõ Nguyễn Đức C là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Dnhư đã nêu trên và thu giữ chiếc lồng inox cùng con chim khướu (*C1 đổi cho C*) và chiếc lồng chim được làm bằng tre C vứt trên đồi.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 chiếc lồng chim; 01 con chim họa mi đực. Tại kết luận về định giá tài sản số 35 ngày 18/8/2019 của Hội đồng định giá tài

sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: 01 chiếc lồng chim làm bằng tre, kích thước cao 55cm x 35cm có phủ áo lồng màu đỏ có giá 200.000đồng; 01 chiếc lồng chim làm bằng trúc, kích thước cao 60cm x 40cm có phủ áo lồng màu đỏ có giá 1.500.000đồng; 01 con chim họa mi màu lông vàng, hai bên mắt có kẻ trắng , mỏ vàng, là chim đực, có giá 1.500.000đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 3.200.000đồng. Hiện số tài sản trên cơ quan điều tra đã giao lại cho anh Dquản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng. 01 con chim họa mi màu lông vàng, hai bên mắt có kẻ trắng, mỏ vàng, là chim cái, đã bị bay mất nên không có cơ sở định giá.

Con chim họa mi cái C làm mất của anh D, quá trình điều tra C đã thỏa thuận bồi thường cho anh D5 triệu đồng, anh Dkhông có đề nghị gì thêm về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho C. Còn 01 con chim khướu bạc má được nhốt trong chiếc lồng làm bằng inox đã trả lại cho anh C1 quản lý và chăm sóc.

Chiếc xe mô tô BKS: 20F1- 387.53, quá trình điều tra xác định đó là chiếc xe mô tô của ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của C mua năm 2016 nhờ C đứng tên, khi C sử dụng làm phương tiện chở con chim trộm cắp được đi bán, ông T không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ .

Tại bản cáo trạng số 103/CT - VKSĐT ngày 02/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Đức C về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức C và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy: Bị cáo Nguyễn Đức C là đối tượng có sở thích chơi chim. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/7/2019 lợi dụng gia đình anh Nguyễn Ngọc Dlà người cùng xóm có sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Đức C đã thực hiện hành vi đột nhập vào trong nhà kho của gia đình anh Dtrộm cắp 02 con chim họa mi được nhốt trong 02 chiếc lồng. Tổng giá trị tài sản C đã trộm cắp theo kết luận định giá tài sản là 3.200.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

[3]. Xét tính chất của vụ án: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại các điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện ra đầu thú và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động thuần túy, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; chỉ vì có sở thích chơi chim nên đã nhất thời phạm tội.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy cần thiết phải có hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét để có mức hình phạt cho phù hợp đảm bảo tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập; không có tài sản riêng nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận, bồi thường đầy đủ cho nhau; các bên không phát sinh yêu cầu bồi thường gì, HĐXX không xem xét.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Đức C** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đức C** 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Đức C.

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo; UBND xã Mỹ Yên;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên

TAND HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 29 tháng 11 năm 2019;
Tại: Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Thanh Hải.
2. Ông Trần Quang Huyền.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2019/TLST - HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:111 /2019/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức C**, sinh 26/8/1996

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm B, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1974; Con bà: Nguyễn Thị Hồi, sinh năm 1976, đều trú tại: Xóm B, xã M, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh năm 2001 (*chưa đăng ký kết hôn*); Có 01 con, sinh năm: 2018 .

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Đức C** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đức C** 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát,

giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Đức C.

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ các nội dung trên đã được HĐXX nghị bàn và thống nhất 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi…..giờ..…phút..…, ngày 29 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*